

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/1/2021

V/v Kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm
2. Ông Nguyễn Công Chính

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 702/2020/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 10 năm 2020 về việc “Kiện xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2020/QĐXX ngày 16/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐHPT ngày 11/1/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thu H, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 88 TK, Thị Trấn QP, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: 23 đường 26B, Thôn 8, xã HT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu H trình bày:

Tôi và anh Lê Văn Ch đã chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2014 tại UBND xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh Ch có bạo lực nhiều lần và thường xuyên say xỉn, đá gà, chửi tôi. Tôi đã cố gắng hàn gắn và giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, chúng tôi sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa tôi có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn Ch

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Hải Y, sinh ngày 27/4/2015 và cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 26/12/2017

Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Ngọc Hải Y và giao cháu Lê Tuấn A cho anh Lê Văn Ch nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Đối với bị đơn anh Lê Văn Ch cố tình lẫn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn Ch theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng anh Lê Văn Ch đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thu H và anh Lê Văn Ch đã chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2014 tại UBND xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh Ch có bạo lực nhiều lần và thường xuyên say xỉn, đá gà. Chị Hà đã cố gắng hàn gắn và giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị

Trịnh Thị Thu H có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Văn Ch.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng chị Trịnh Thị Thu H và anh Lê Văn Ch thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã được địa phương hoà giải nhưng không thành, nay chị Trịnh Thị Thu H xin được ly hôn với anh Lê Văn Ch, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng chị Trịnh Thị Thu H và anh Lê Văn Ch không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của chị Trịnh Thị Thu H xin ly hôn anh Lê Văn Ch là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị Trịnh Thị Thu H và anh Lê Văn Ch có hai con chung là cháu Lê Ngọc Hải Y, sinh ngày 27/4/2015 đang ở với chị H. Cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 26/12/2017 đang ở với anh Ch, nguyện vọng của chị H được nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Hải Y và giao cháu Lê Tuấn A cho anh Ch nuôi dưỡng là phù hợp phù hợp cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trịnh Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Trịnh Thị Thu H. Chị Trịnh Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Văn Ch.

Về con chung: Giao là cháu Lê Ngọc Hải Y, sinh ngày 27/4/2015 cho chị Trịnh Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 26/12/2017 cho anh Lê Văn Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Các đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012824 ngày 9/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Kiên